

A. TÓM TẮT LÝ THUYẾT, KTCB**CHỦ ĐỀ 4: CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI****BÀI 7: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI KÌ CẬN ĐẠI****1. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất**

Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất diễn ra vào khoảng nửa sau thế kỉ XVIII, bắt đầu ở Anh, sau đó lan ra nhiều quốc gia ở châu Âu và Bắc Mỹ.

- Những thành tựu tiêu biểu trong ngành dệt:

+ Năm 1733, Giôn Cay sáng tạo ra con thoi bay

+ Năm 1764, Giêm Ha-gri-vơ sáng tạo ra máy kéo sợi Giem-ni

+ Năm 1769, Ri-chác Ác-rai chế tạo ra máy kéo sợi chạy bằng sức nước

+ Năm 1784, Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước

+ Năm 1785, Ét-mơn Các-rai chế tạo ra máy dệt chạy bằng hơi nước

- Trong thời kì này, động cơ đốt trong ra đời và từng bước hoàn thiện.

Tiêu biểu là phát minh của Giôn Ba-bo (1791), Sa-mu-en Bờ-rao (1823). Động cơ đốt trong đã thúc đẩy cơ giới hoá sản xuất, năng cao năng suất lao động.

- Ngành luyện kim và giao thông vận tải cũng đạt được những thành tựu rất quan trọng như: phát minh lò luyện quặng theo phương pháp “pút-dinh” (1784), phát minh ra đầu máy xe lửa hơi nước chạy trên đường ray đầu tiên (1804)...

2. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai

Cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra từ nửa sau thế kỉ XIX đến khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ (1914).

- Những phát minh về điện của Mai con Pha-ra-đây (Anh), Tô-mát Ê-đi-xon, Ni-cô-la Tét-la (Mỹ)

- Năm 1860, G. Lo-noa (Pháp) đã phát minh và thương mại hoá thành công động cơ đốt trong hai kì chạy bằng khí đốt, tạo tiền đề cho sự ra đời và phát triển của ô tô, máy bay, đồng thời thúc đẩy ngành khai thác dầu mỏ.

- Chiếc xe hơi đầu tiên được sử dụng trên thực tế do Can Ben - nhà phát minh người Đức tạo ra vào năm 1886. Tuy nhiên, người có công lớn trong việc đưa xe hơi trở nên phổ biến là “ông vua xe hơi nước Mỹ” - Hen-ri Pho.

- Năm 1903, hai anh em nhà Rai (Mỹ) đã thử nghiệm thành công máy bay chạy bằng động cơ xăng.

3. Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai**a) Ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế**

Những cải tiến về kĩ thuật và phát minh ra máy móc đã làm thay đổi cách thức tổ chức sản xuất, tạo ra nhiều nguyên liệu mới, thúc đẩy công nghiệp phát triển, nâng cao năng suất lao động....

Cách mạng công nghiệp cũng góp phần thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhiều ngành kinh tế khác, đặc biệt là nông nghiệp và giao thông vận tải, thông tin liên lạc,...

b) Ý nghĩa về xã hội, văn hoá**Về xã hội:**

- Các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại đã đưa đến sự hình thành và phát triển của nhiều trung tâm công nghiệp mới

Trong xã hội, hai giai cấp đối kháng đã hình thành là tư sản công nghiệp nắm tư liệu sản xuất và vô sản làm thuê.

- Mâu thuẫn giữa hai giai cấp này ngày càng gay gắt, dẫn đến các cuộc đấu tranh của vô sản chống lại tư sản.

Về văn hoá

- Lối sống và văn hoá công nghiệp ngày càng trở nên phổ biến.
- Đời sống văn hoá tinh thần của người dân phong phú và đa dạng hơn với sự xuất hiện của các phương tiện như: điện thoại, ra-đi-ô, sự xuất hiện của điện ảnh,...
- Sự giao lưu, kết nối văn hoá giữa các quốc gia, châu lục càng được đẩy mạnh.

BÀI 8: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI

1. Thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba

Cách mạng công nghiệp lần thứ ba (còn được gọi là Cách mạng kỹ thuật số), bắt đầu vào khoảng những năm 40 của thế kỷ XX.

- Thành tựu quan trọng đầu tiên của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba là sự xuất hiện của máy tính.
- Sự ra đời của mạng kết nối internet không dây là một bước tiến quan trọng của ngành công nghệ thông tin.
- Tự động hoá và công nghệ rô-bốt ra đời đã giúp giải phóng sức lao động của con người, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm công nghiệp.
- Công nghệ sinh học đạt được những thành tựu đột phá trong công nghệ di truyền, công nghệ tế bào, công nghệ vi sinh, công nghệ en-zim,... Cuộc “Cách mạng xanh” trong nông nghiệp đã tạo ra nhiều giống mới có khả năng chống sâu bệnh,...
- Cách mạng công nghiệp lần thứ ba còn gắn với thành tựu trong công cuộc chinh phục vũ trụ của hai cường quốc là Mỹ và Liên Xô.

2. Những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Thời gian: Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (còn gọi là Cách mạng 4.0) bắt đầu từ những năm đầu tiên của thế kỷ XXI và vẫn đang tiếp diễn.

- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn liền với những đột phá công nghệ trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây, dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ in 3D, tự động hoá, vật liệu mới, Công nghệ gen, công nghệ na-nô,...
- Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vừa mới bắt đầu, nhưng hứa hẹn sẽ tạo ra những thay đổi lớn lao trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội của thế kỷ XXI.

III. Ý nghĩa và tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư

a) Ý nghĩa đối với sự phát triển kinh tế

- Những ứng dụng của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại đã giúp cho việc mở rộng và đa dạng hoá các hình thức sản xuất và quản lý.
- Sự ra đời của các nhà máy thông minh ứng dụng công nghệ tự động hoá và trí tuệ nhân tạo đã giúp tăng năng suất lao động gấp nhiều lần, rút ngắn thời gian và tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm,...
- Nhờ sự phát triển của internet, thương mại điện tử ra đời đã giúp người tiêu dùng có thể lựa chọn, mua sắm hàng hoá, dịch vụ bằng hình thức trực tuyến. Thông qua thương mại điện tử, người tiêu dùng tiếp cận gần hơn với thương mại toàn cầu.
- Sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại đã thúc đẩy quá trình khu vực hoá, toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới,...

b) Ý nghĩa về xã hội, văn hoá

- **Về xã hội:** Những thành tựu về tự động hoá giúp giải phóng sức lao động của con người. Sự phát triển của tri thức dẫn đến sự phân hoá trong lực lượng lao động
- **Về văn hóa:** Việc tìm kiếm, chia sẻ thông tin trở nên vô cùng nhanh chóng và thuận tiện. Quá trình giao lưu văn hoá giữa các quốc gia, khu vực diễn ra dễ dàng và thuận tiện,...

CHỦ ĐỀ 5: VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ – TRUNG ĐẠI

BÀI 8: HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ – TRUNG ĐẠI

1. HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI

- Thời kì từ những thế kỉ trước và đầu Công nguyên đến thế kỉ VII: Văn minh Đông Nam Á hình thành và bước đầu phát triển. Gắn với sự hình thành và phát triển của các quốc gia đầu tiên
- Thời kì từ thế kỉ VII đến cuối thế kỉ XV: Văn minh Đông Nam Á phát triển rực rỡ: Gắn với sự hình thành và phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến.
- Thời kì từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX: Văn minh Đông Nam Á có những chuyển biến quan trọng: Gắn với quá trình suy yếu của các vương triều phong kiến và sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản phương Tây.

2. Một số thành tựu tiêu biểu

a) Tín ngưỡng và tôn giáo

• Tín ngưỡng

- Về cơ bản, tín ngưỡng Đông Nam Á bao gồm ba nhóm chính:
 - + Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên
 - + Tín ngưỡng phồn thực
 - + Tín ngưỡng thờ cúng người đã mất

*** Tôn giáo**

- + Phật giáo du nhập từ khoảng những thế kỉ đầu Công nguyên và có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội và văn hoá
- + Hồi giáo được truyền bá thông qua hoạt động thương mại của các thương nhân Ấn Độ vào khoảng thế kỉ XIII.
- + Đầu thế kỉ XVI, Công giáo được truyền bá vào Phi-líp-pin.

b) Chữ viết và văn học

*** Chữ viết**

- Trước khi sáng tạo chữ viết riêng, các nước Đông Nam Á sử dụng các chữ viết cổ của Ấn Độ (chữ Phạn, chữ Pa-li) và Trung Quốc (chữ Hán).
- Cư dân các nước Đông Nam Á đã sáng tạo ra một hệ thống chữ viết riêng

*** Văn học**

- Trên nền tảng văn minh nông nghiệp lúa nước, cư dân Đông Nam Á đã sáng tạo ra kho tàng văn học dân gian phong phú, đa dạng.
- Trong dòng văn học dân gian, nổi bật nhất là các truyền thuyết, thần thoại, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn, truyện thơ khuyết danh,...

c) Kiến trúc và điêu khắc

*** Kiến trúc**

- Cư dân Đông Nam Á đã tạo dựng hàng loạt công trình kiến trúc (đền, chùa, tháp) mang phong cách Phật giáo và Hin-đu giáo ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ

*** Điêu khắc**

- Kiến trúc và điêu khắc Đông Nam Á đạt đến đỉnh cao rực rỡ với nhiều công trình đặc sắc, tiêu biểu là:
- + Quần thể kiến trúc đền Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a),
- + Quần thể kiến trúc Ăng-co Vát và Ăng-co Thom (Cam-pu-chia)
- + Chùa Phật Ngọc (Thái Lan)
- + Chùa Vàng (Mi-an-ma)
- + Khu đền tháp Mỹ Sơn (Việt Nam),...

CHỦ ĐỀ 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)

BÀI 9: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH CỔ TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

I. Văn minh Văn Lang - Âu Lạc

- Văn minh Văn Lang - Âu Lạc (còn gọi là văn minh sông Hồng, văn minh Việt cổ, văn minh Đông Sơn) có nguồn gốc bản địa
- Chủ nhân là các cộng đồng người Việt cổ
- Thời gian: đầu thiên niên kỉ ITCN đến vài thế kỉ đầu Công nguyên
- Địa bàn: khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay.

a) Cơ sở hình thành

*** Điều kiện tự nhiên**

- Hình thành trên lưu vực các dòng sông như sông Hồng, sông Mã, sông Cả,...
- Khu vực này đất đai màu mỡ, hệ thống sông ngòi dày đặc, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa,... thuận lợi cho động vật, thực vật sinh sôi, nảy nở, phát triển nông nghiệp, đặc biệt là nghề trồng lúa nước

*** Cơ sở xã hội**

- Có cội nguồn từ văn hoá Phùng Nguyên (khoảng 4000 năm trước), phát triển rực rỡ trong thời kì văn hoá Đông Sơn.

b) Một số thành tựu tiêu biểu

*** Sự ra đời của nhà nước**

- Nhà nước Văn Lang xuất hiện cách ngày nay khoảng 2700 năm và tồn tại đến năm 208 TCN; kinh đô là Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ ngày nay). Tổ chức nhà nước Văn Lang còn khá sơ khai.
- Nhà nước Âu Lạc (208 - 179 TCN); kinh đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay); đứng đầu nhà nước là Thục Phán - An Dương Vương, giúp việc cho vua cũng là lạc hầu; dưới địa phương vẫn do các lạc tướng cai quản.

*** Hoạt động kinh tế**

- Nông nghiệp:

- + Cư dân đã khai phá đất đai, mở rộng diện tích trồng lúa nước bằng nhiều hình thức canh tác
- + Có bước tiến lớn về công cụ và kĩ thuật canh tác nông nghiệp.

- Thủ công nghiệp:

- + Một số nghề thủ công (chế tác đá, làm gốm, mộc, dệt, luyện kim,...) phát triển mạnh mẽ.
- + Nghề luyện kim đồng phát triển vượt bậc, với nhiều sản phẩm được chế tác tinh xảo (công cụ lao động, đồ trang sức, vũ khí, trống đồng, thạp đồng...).

*** Đời sống vật chất**

- Ăn thực:

- + Thành phần chính trong bữa ăn hằng ngày là cơm, rau, cá,...
- + Lương thực chính là lúa gạo;
- + Thức ăn gồm các loại rau, củ, quả và các sản phẩm của nghề đánh cá, săn bắt và chăn nuôi.

- Trang phục:

+ Thường ngày, phụ nữ mặc váy và áo yếm, đàn ông đóng khố, ở trần, đi chân đất, tóc để xoã ngang vai hoặc để dài búi tóc.

- **Nhà ở:** Cư dân chủ yếu cư trú trong các nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa, lá (cả miền núi và đồng bằng).

- **Phương tiện đi lại** chủ yếu là thuyền, bè.

*** Đời sống tinh thần**

- **Tín ngưỡng:** cư dân Việt cổ có tục:

+ Thờ cúng tổ tiên và những người có công với cộng đồng

+ Thờ các vị thần tự nhiên

+ Tín ngưỡng phồn thực.

- **Nghệ thuật:** cư dân Văn Lang - Âu Lạc đã đạt đến một trình độ thẩm mỹ khá cao. Thể hiện ở: đồ trang sức, các hoa văn trang trí trên công cụ, vũ khí, trống đồng...

- Âm nhạc: khá phát triển với sự xuất hiện của nhiều loại nhạc cụ và hình thức biểu diễn.

2. Văn minh Chăm-pa

a) Cơ sở hình thành

*** Điều kiện tự nhiên**

- Văn minh Chăm-pa hình thành, tồn tại và phát triển (từ thế kỉ II đến thế kỉ XV) trên địa bàn các tỉnh miền Trung và một phần cao nguyên Trường Sơn Việt Nam ngày nay.

*** Cơ sở xã hội**

- Khoảng thế kỉ V TCN, cư dân văn hoá Sa Huỳnh cư trú ở vùng duyên hải, lưu vực các con sông và sâu trong nội địa.

- Cơ cấu xã hội Sa Huỳnh là xã hội dạng lãnh địa hay liên minh cụm làng, đứng đầu là thủ lĩnh tối cao.

*** Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ**

- Thông qua tầng lớp thương nhân Ấn Độ, chữ viết, tôn giáo, tư tưởng, mô hình tổ chức nhà nước và pháp luật đã được du nhập.

b) Một số thành tựu tiêu biểu

*** Sự ra đời của nhà nước**

- Đến năm 192, dưới sự lãnh đạo của Khu Liên, nhân dân huyện Tượng Lâm (thuộc quận Nhật Nam) đã nổi dậy lật đổ ách thống trị của ngoại bang lập ra nước Lâm Ấp (sau này gọi là Chăm-pa), kinh đô là Sin-ha-pu-ra (Trà Kiệu, Quảng Nam).

- Tổ chức nhà nước:

+ Ở cấp trung ương, đứng đầu Nhà nước Chăm-pa là vua (thường được đồng nhất với một vị thần), có quyền lực tối cao, theo chế độ cha truyền con nối. Dưới vua là hai vị quan đại thần (một quan văn, một quan võ).

+ Cấp địa phương, chia thành các châu - huyện - làng và giao cho các vị quan quản lí.

*** Kinh tế**

- Hoạt động kinh tế đa dạng:

+ Trồng lúa trên các vùng đồng bằng lưu vực của các con sông

+ Chăn nuôi gia súc

+ Làm nghề thủ công (làm gốm, dệt, luyện kim,...).

+ Hoạt động buôn bán qua đường biển khá phát triển do nằm trên tuyến đường buôn bán quốc tế.

*** Chữ viết**

- Trên cơ sở chữ Phạn của Ấn Độ, cư dân Chăm-pa đã sáng tạo chữ viết riêng của dân tộc mình. Chữ Chăm cổ được coi là loại chữ viết cổ nhất ở Đông Nam Á.

*** Đời sống vật chất**

- Trang phục:

- + Trang phục chính của người Chăm xưa là một mảnh vải (gọi là “ka-ma”)
- + Dân chúng đều đi chân đất, chỉ có vua, quan đi dép hoặc giày.
- + Phụ nữ Chăm thường đeo một số đồ trang sức: hoa tai, vòng cổ,...
- Ẩm thực: thành phần chính trong bữa ăn hằng ngày là cơm, rau, cá,...
- Người dân ở trong các ngôi nhà trệt, xây bằng gạch nung, tường có quét vôi ngoài.

*** Đời sống tinh thần**

- Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội

- + Cư dân Sa Huỳnh đã duy trì nhiều tín ngưỡng truyền thống: vạn vật hữu linh, thời sinh thực khí, thờ cúng tổ tiên,...
- + Người Chăm-pa cũng tiếp thu nhiều tôn giáo khác nhau như: Phật giáo, Hin-đu giáo, Hồi giáo,...
- + Gắn liền với các tôn giáo là hệ thống lễ hội đặc sắc được đồng bào Chăm tổ chức hằng năm tại các cụm di tích tháp Chăm.

- Kiến trúc - điêu khắc:

Công trình kiến trúc, tôn giáo quan trọng của Vương quốc Chăm-pa, tiêu biểu như Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam)...

3. VĂN MINH PHÙ NAM

a) Cơ sở hình thành

*** Điều kiện tự nhiên**

- Địa bàn chủ yếu của Vương quốc Phù Nam là khu vực Nam Bộ Việt Nam ngày nay, thuộc vùng hạ lưu sông Mê Công.

*** Cơ sở xã hội**

- Văn minh Phù Nam có cội nguồn từ nền văn hoá tiền Óc Eo.

*** Ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ**

- Văn minh Phù Nam chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của văn minh Ấn Độ, được truyền bá chủ yếu thông qua hoạt động thương mại biển.

b) Một số thành tựu tiêu biểu

*** Sự ra đời của nhà nước**

- Vào khoảng đầu Công nguyên, Vương quốc Phù Nam đã được thành lập trên cơ sở tập hợp nhiều tộc người, nhiều tiểu quốc. Đứng đầu nhà nước là vua, có quyền lực cao nhất, cai trị bằng cả vương quyền và thần quyền; giúp việc cho vua là các quan lại trong hệ thống chính quyền với nhiều cấp bậc.

*** Hoạt động kinh tế**

- Phù Nam trở thành một trong những trung tâm buôn bán thương mại quan trọng bậc nhất lúc bấy giờ.
- Một số nghề thủ công và nông nghiệp ở Phù Nam cũng khá phát triển.

*** Đời sống vật chất**

- Nhà ở: Cư dân Phù Nam chủ yếu ở trong những ngôi nhà sàn rộng làm bằng gỗ, lợp mái lá, phù hợp với môi trường sông nước và khí hậu nóng ẩm
- Ẩm thực: lương thực, thực phẩm chính của người Phù Nam là lúa gạo, các loại thịt và thủy, hải sản.
- Trang phục tương đối đơn giản: đàn ông đóng khố, ở trần; phụ nữ mặc váy và đeo một số đồ trang sức như vòng tay, khuyên tai,...
- Phương tiện đi lại: cư dân Phù Nam đi lại chủ yếu bằng thuyền trên kênh, rạch, sông ngòi

*** Đời sống tinh thần**

- Tín ngưỡng, tôn giáo

- + Cư dân Phù Nam có tín ngưỡng thờ đa thần, duy trì tín ngưỡng phồn thực.
- + Trong quá trình giao lưu buôn bán với Ấn Độ, người Phù Nam đã tiếp nhận các tôn giáo như: Phật giáo, Hin-đu giáo,...

- Phong tục, tập quán:

- + Phong tục chôn cất người chết bằng nhiều hình thức như thủy táng (thả xác xuống sông), hỏa táng (đốt xác), thổ táng (chôn dưới đất) và điều táng (để xác ngoài đồng cho chim ăn).

BÀI 10: VĂN MINH ĐẠI VIỆT

1. Khái niệm và cơ sở hình thành

a) Khái niệm văn minh Đại Việt

Văn minh Đại Việt là những sáng tạo văn hoá vật chất và tinh thần đạt trình độ cao trong kỉ nguyên độc lập của đất nước (từ sau thời kì Bắc thuộc đến trước khi bị thực dân Pháp đô hộ).

b) Cơ sở hình thành

Văn minh Đại Việt có cội nguồn từ nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc, Trải qua các triều đại (Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần,...),

3. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu của văn minh Đại Việt

a) Chính trị

*** Thiết chế chính trị**

- Các vương triều Đinh - Tiền Lê đã tiếp thu mô hình thiết chế chính trị quân chủ trung ương tập quyền của phong kiến Trung Quốc. Thiết chế đó ngày càng được hoàn thiện qua các triều đại Lý - Trần và đạt đến đỉnh cao dưới triều Lê sơ.

*** Pháp luật**

- Các vương triều Đại Việt chú trọng xây dựng luật pháp.
- Các bộ luật như: Hình thư thời Lý, Hình luật thời Trần, Quốc triều hình luật thời Lê và Hoàng Việt luật lệ thời Nguyễn.

b) Kinh tế

*** Nông nghiệp**

- Nông nghiệp lúa nước và văn hoá làng xã tiếp tục là một trong những đặc trưng của văn minh Đại Việt.
- Các triều đại đều đặc biệt chú trọng phát triển nông nghiệp:

*** Thủ công nghiệp**

- Nghề thủ công phát triển, nổi tiếng nhất là các nghề: dệt, gốm sứ, luyện kim. Bên cạnh đó còn có các nghề: chạm đục gỗ, chạm khắc đá, thuộc da, làm giấy, khảm trai, sơn mài, kim hoàn,...
- Các xưởng thủ công của nhà nước (Cục Bách tác) chuyên sản xuất các mặt hàng độc quyền của triều đình như: tiền, vũ khí, trang phục và đồ dùng của hoàng cung,...

*** Thương nghiệp**

- Bắt đầu từ thời Tiền Lê (thế kỉ X), các triều đại đều cho đúc các loại tiền kim loại riêng.
- Đầu thế kỉ XV, Đại Việt có nhiều thương cảng có buôn bán với nước ngoài do nhà nước quản lí.
- Từ thế kỉ XVI, đặc biệt trong thế kỉ XVII, khi thương mại Á - Âu phát triển, các công ti như Công ti Đông Ấn Hà Lan, Công ti Đông Ấn Anh và thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản, Đông Nam Á,... đã đến Đại Việt buôn bán nhộn nhịp ở khắp cả nước.

c) Tư tưởng và tôn giáo

Tư tưởng yêu nước, lấy dân làm gốc là một giá trị tiêu biểu và xuyên suốt của nền văn minh Đại Việt.

Tôn giáo:

Nho giáo được du nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc. Đến thế kỉ XV, Triều Lê sơ thực hiện chính sách độc tôn Nho giáo. Nho giáo trở thành hệ tư tưởng chính thống của nhà nước quân chủ.

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam khoảng đầu Công nguyên, trung tâm nổi tiếng là chùa Dâu (Bắc Ninh).

Đạo giáo được du nhập vào Việt Nam từ đầu Công nguyên, có vị trí nhất định trong xã hội.

Công giáo: Từ năm 1533, một giáo sĩ người phương Tây đã đến vùng ven biển Nam Định truyền đạo.

d) Giáo dục và khoa cử

- Nền giáo dục, khoa cử bắt đầu được triển khai từ thời nhà Lý.
- Đến thời Trần, khoa cử được tổ chức đều đặn và quy củ hơn.
- Từ thời Lê sơ, khoa cử Nho học phát triển thịnh đạt.
- Nhiều người đỗ đạt, làm quan và trở thành các nhà văn hoá lớn của dân tộc như: Lê Văn Hưu, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Lê Quý Đôn,...
- Các triều đại đều có chính sách nhằm khuyến khích giáo dục và khoa cử.

e) Chữ viết và văn học

*** Chữ viết**

- Chữ Hán là văn tự chính thức, được sử dụng trong các văn bản hành chính của nhà nước, trong giáo dục, khoa cử
- Trên cơ sở chữ Hán, chữ Nôm được người Việt sáng tạo, xuất hiện sớm nhất vào khoảng thế kỉ VIII, sử dụng rộng rãi từ thế kỉ XIII.
- Đầu thế kỉ XVI, chữ Quốc ngữ xuất hiện và dần được hoàn thiện.

*** Văn học**

- Phong phú, đa dạng, gồm hai bộ phận: văn học dân gian và văn học viết.

g) Nghệ thuật

*** Kiến trúc, điêu khắc**

- Kiến trúc:

- + Kiến trúc cung đình tiêu biểu là các kinh đô như: Hoa Lư (thời Đinh - Tiền Lê), Thăng Long (thời Lý – Trần - Lê), Tây Đô (thời Hồ) và Phú Xuân - Huế (thời Nguyễn). ...
- + Kiến trúc tôn giáo, tiêu biểu là: chùa, tháp, đền, đình, miếu, nhà thờ,...

- Điêu khắc

- + Phát triển, đạt đến trình độ cao
- + Thể hiện qua những tác phẩm chạm khắc trên các công trình kiến trúc, điêu khắc tượng,...

*** Tranh dân gian**

- Gồm hai loại chính là tranh thờ và tranh chơi Tết.
- Kỹ thuật chủ yếu là in trên giấy dó bằng nhiều ván khắc, sau đó có sửa lại bằng tay.
- Thời kì Lê trung hưng xuất hiện các dòng tranh nổi tiếng: Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống (Hà Nội)...

*** Nghệ thuật biểu diễn**

- Đa dạng về thể loại, bao gồm biểu diễn cung đình và biểu diễn dân gian.

h) Khoa học, kĩ thuật

*** Sử học**

- Được nhà nước và nhân dân quan tâm, nhiều công trình được biên soạn qua các thời kì khác nhau.

*** Địa lí:**

- Xuất hiện nhiều công trình địa chí ghi chép về ranh giới, núi sông, địa danh, phong tục,... của đất nước

và các địa phương.

- Bản đồ xác định lãnh thổ, biên giới quốc gia trên đất liền, trên biển cũng được quan tâm xây dựng, trong đó tiêu biểu là Hồng Đức bản đồ (triều Lê sơ) và Đại Nam nhất thống toàn đồ (triều Nguyễn).

*** Quân sự**

- Đạt được những thành tựu quan trọng cả về lí luận và kĩ thuật quân sự.

- Các tác phẩm tiêu biểu như:

+ Binh thư yếu lược, Vạn Kiếp tông bí truyền thư (Trần Quốc Tuấn)

+ Hồ trướng khu cơ (Đào Duy Từ),...

- Từ cuối thế kỉ XIV, người Việt đã chế tạo được súng thần cơ, đóng loại thuyền chiến cỡ lớn; thế kỉ XVI

- XVII, đúc được các loại đại bác, đóng thuyền chiến trang bị đại bác có vận dụng kĩ thuật của phương Tây.

*** Y học:** tiêu biểu có các danh y như: Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông,...

4. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam

- Văn minh Đại Việt đánh dấu sự phục hưng mạnh mẽ của dân tộc sau hơn một nghìn năm bị giặc xâm lược phương Bắc đô hộ, thể hiện sức sống bền bỉ của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc và tinh thần quật khởi của nhân dân ta.

- Văn minh Đại Việt với những thành tựu rực rỡ phản ánh bước phát triển vượt bậc của dân tộc trên các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hoá,... tạo tiền đề để đất nước vượt qua mọi thử thách khắc nghiệt của tự nhiên và nạn xâm lăng từ bên ngoài.

- Văn minh Đại Việt với những giá trị to lớn là một nguồn lực văn hoá, sức mạnh nội sinh của dân tộc Việt Nam trong kỉ nguyên hội nhập và phát triển hiện nay.

BÀI 11 +12: CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

1. Thành phần dân tộc theo dân số

- Trong cơ cấu dân số Việt Nam hiện nay, dân tộc Kinh có dân số lớn nhất, chiếm khoảng 85.3% tổng số dân.

- 53 dân tộc còn lại chỉ chiếm khoảng 14.7% dân số.

2. Thành phần dân tộc theo hệ ngữ

- Ngữ hệ là một nhóm các ngôn ngữ có cùng nguồn gốc với nhau. Quan hệ đó được xác định bởi những đặc điểm giống nhau về ngữ pháp, hệ thống từ vựng cơ bản, âm vị và thanh điệu. Ngữ hệ còn được gọi là dòng ngôn ngữ.

- Các dân tộc Việt Nam được xếp vào 8 nhóm ngôn ngữ tộc người, thuộc 5 ngữ hệ khác nhau

3. Hoạt động kinh tế

- Nông nghiệp

+ Hoạt động sản xuất nông nghiệp chủ yếu của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là trồng trọt, chăn nuôi.

+ Người Kinh tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng, trung du và duyên hải. Kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước đã được hình thành và phát triển từ rất sớm.

+ Các dân tộc thiểu số phần lớn phân bố ở miền núi, trung du, cao nguyên.

- Thủ công nghiệp

+ Người Kinh phát triển các nghề thủ công như nghề gốm, dệt, đúc đồng, rèn sắt, làm giấy... từ sớm.

+ Một số nghề đạt đến trình độ cao, nhiều làng nghề có truyền thống lâu đời và nổi tiếng trong cả nước như Gốm Bát Tràng, làng hương Thủy Xuân....

- Thương nghiệp

+ Người Kinh thường tổ chức các hình thức chợ làng, chợ huyện và cả chợ trong các khu phố, chợ đầu mối.

+ Các dân tộc vùng cao thường họp chợ phiên.

+ Cư dân Nam Bộ còn có hình thức họp chợ trên sông, hình thành các khu chợ nổi.

b. Đời sống vật chất

*** Ăn**

- Người kinh ở miền Bắc: Cơm tẻ, nước chè.
- Người kinh ở miền Trung: Món ăn thường cay và mặn hơn.
- Người kinh ở miền Nam: thường có nhiều món hơi ngọt và ít cay.
- Các dân tộc ít người ở Tây Bắc: thường có xôi, ngô.
- Một số dân tộc ở Tây Nguyên: chủ yếu ăn cơm tẻ và không thể thiếu muối, ớt trong bữa ăn.
- Các dân tộc ở Tây Nguyên và Tây Bắc cũng thường uống rượu cần như một hình thức sinh hoạt chung.

*** Mặc**

- Người Kinh thường mặc quần áo nâu, đi chân trần. Phụ nữ kinh thường mặc váy đen, yếm, áo cánh nâu, chít khăn mỏ quạ đen hoặc mặc áo Bà Ba.
- Trang phục truyền thống của các dân tộc thiểu số được đặc trưng bởi hoa văn, chất liệu hoặc màu sắc riêng.

*** Ở**

- Nhà ở truyền thống của người Kinh ở các vùng đồng bằng, duyên hải thường là nhà trệt.
- Các dân tộc thiểu số nhà phổ biến là nhà sàn và có một ngôi nhà chung làm nơi sinh hoạt.

*** Phương tiện đi lại**

- Người Kinh trên đường bộ chủ yếu di chuyển bằng ngựa, xe ngựa; trên đường thủy có thuyền, bè, mảng, ghe, tàu...
- Các dân tộc thiểu số ở phía Bắc di chuyển bằng ngựa thồ, xe ngựa; trên sông suối di chuyển bằng mảng, bè. Các dân tộc Tây Nguyên di chuyển bằng voi, ngựa. Người Khơ-me ở Nam Bộ di chuyển chủ yếu bằng xe bò, xe lôi bánh gỗ...
- Trong xã hội hiện nay di chuyển bằng xe đạp, xe máy và ô tô, tàu hỏa, máy bay....

4. Đời sống tinh thần

a. Tín ngưỡng, Tôn giáo

- Các tín ngưỡng phổ biến của người Kinh là thờ cúng tổ tiên, thờ người có công với cộng đồng, thờ Thành hoàng.....trong đó thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng quan trọng nhất.
- Ngoài thờ cúng tổ tiên, các dân tộc thiểu số còn thờ nhiều vị thần tự nhiên....
- Việt Nam có sự hiện diện nhiều tôn giáo lớn trên thế giới: Phật giáo, Đạo giáo, Hin-đu giáo, Hồi giáo, Công giáo....

b. Phong tục, tập quán, lễ hội

- Phong tục tập quán truyền thống của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được thể hiện trên các lĩnh vực của đời sống hằng ngày hoặc trong các dịp lễ.
- Các dân tộc thiểu số có phong tục tập quán rất đa dạng.
- Lễ hội là một nét văn hóa đặc sắc của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

c. Nghệ thuật

- Các loại hình nghệ thuật biểu diễn của dân tộc Kinh rất đa dạng.
- Mỗi dân tộc thiểu số có những làn điệu, điệu múa, nhạc cụ riêng.

BÀI 13: KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

1. Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc

a. Khái niệm

- Đại đoàn kết dân tộc là di sản vô giá, truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam.

b. Cơ sở

- Khối đại đoàn kết dân tộc được hình thành trên cơ sở tình cảm gia đình và vì tình yêu quê hương đất nước.
- Quá trình đoàn kết trong cuộc đấu tranh xã hội, chống giặc ngoại xâm và chinh phục thiên nhiên đã tạo nên truyền thống yêu nước, đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

2. Vai trò và tầm quan trọng của khối đại đoàn kết

a. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước

- Ngay từ khi ra đời, người Việt cổ đã sớm tạo nên cộng đồng trong các hoạt động trị thủy, xây dựng các công trình cộng đồng, hình thành xóm làng...
- Trong các cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm: Đại đoàn kết dân tộc tạo nên sức mạnh quyết định cho mọi thắng lợi bảo vệ vững chắc nền độc lập.
- Trong thời bình: Đoàn kết dân tộc chính là nhân tố ổn định xã hội, tạo nền tảng xây dựng, phát triển đất nước.

b. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay

- Đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công trong công cuộc xây dựng đất nước.

- Đoàn kết dân tộc là yếu tố khẳng định vị thế quốc gia trước những thách thức của thời đại mới

3. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay.

a. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc.

- Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm đến chính sách dân tộc, coi đó là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay.
- Trong suốt quá trình phát triển, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về chính sách dân tộc là nhất quán theo nguyên tắc “Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”.

b. Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước

- Các chính sách phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế – xã hội, phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo vùng dân tộc thiểu số và miền núi.
- Các chính sách về phát triển văn hoá, xã hội, giáo dục – đào tạo, y tế.
- Các chính sách về xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh vững chắc.

B. LUYỆN TẬP

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM KHÁC QUAN

I. CÂU HỎI TNKQ NHIỀU LỰA CHỌN

Câu 1. Quốc gia khởi đầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (giữa thế kỉ XVIII) là

- A. Anh. B. Mĩ. C. Đức. D. Pháp.**

Câu 2. Ở thế kỉ XVIII, những tiến bộ về kĩ thuật ở Anh chủ yếu diễn ra trong các ngành nào sau đây?

- A. Dệt, luyện kim và phát minh máy móc. B. Ngành luyện kim, khai thác mỏ và dệt.**
C. Dệt, luyện kim và giao thông vận tải. D. Khai thác mỏ, dệt và giao thông vận tải

Câu 3. Ở thế kỉ XVIII, những tiến bộ về kĩ thuật và máy móc ở Anh diễn ra đầu tiên trong ngành

- A. dệt. B. luyện kim. C. giao thông vận tải. D. khai thác mỏ.**

Câu 4. Người được mệnh danh “Ông vua xe hơi” của nước Mĩ là

- A. Tô-mát Ê-đi-xơn. B. Hen-ri Pho. C. Can Ben. D. Hen-ri Bê-sê-mơ.**

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh không đúng ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước ở Anh (1784)?

- A. Lao động bằng tay được thay thế dần bằng máy móc.**
B. Tốc độ sản xuất và năng suất lao động tăng vượt bậc.
C. Tạo ra động lực mới, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa.
D. Mở đầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai ở Anh.

Câu 6. Một trong những bài học quan trọng rút ra từ các cuộc cách mạng công nghiệp thời cận đại đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam hiện nay là

- A. coi trọng việc áp dụng khoa học – kĩ thuật.
- B. đẩy mạnh tham gia các liên minh khu vực.
- C. chú trọng mua bằng phát minh, sáng chế.
- D. khai thác triệt để nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 7. Ở thế kỉ XVIII, nhà phát minh vĩ đại nào được tôn vinh là “người nhân lên gấp bội sức mạnh của con người”?

- A. Giêm Oát.
- B. Giêm Ha-gri-vơ.
- C. Ác-crai-tơ.
- D. Ét-mon Các-rai.

Câu 8. Một trong những thành tựu quan trọng đầu tiên của các mạng công nghiệp lần thứ ba (nửa sau thế kỷ XX) là

- A. rô bốt.
- B. vệ tinh.
- C. tàu chiến.
- D. máy tính.

Câu 9. Cuộc cách mạng công nghiệp diễn ra từ đầu thế kỷ XXI còn được gọi là

- A. Cách mạng kĩ thuật số.
- B. Cách mạng công nghiệp nhẹ.
- C. Cách mạng kĩ thuật.
- D. Cách mạng 4.0.

Câu 10. Thành tựu trong công cuộc chinh phục vũ trụ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba (nửa sau thế kỷ XX) gắn liền với hai cường quốc Mỹ và nước nào sau đây?

- A. Anh.
- B. Trung Quốc.
- C. Liên Xô.
- D. Ấn Độ.

Câu 11. Một trong những tác động tích cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là?

- A. Chia sẻ thông tin vô cùng nhanh chóng.
- B. Gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường.
- C. Gây ra sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.
- D. Con người bị lệ thuộc vào thiết bị thông minh.

Câu 12. Thành tựu nào sau đây không phải là của cách mạng công nghiệp lần thứ tư (đầu thế kỷ XXI)?

- A. internet vạn vật.
- B. máy hơi nước.
- C. công nghệ thông tin.
- D. trí tuệ nhân tạo.

Câu 13. Một trong những tác động tiêu cực của cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại là?

- A. Người lao động có trình độ chuyên môn cao.
- B. Con người giao tiếp rất tiện lợi, nhanh chóng.
- C. Gây ra sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội.
- D. Giao lưu văn hóa giữa các quốc gia thuận tiện.

Câu 14. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba (nửa sau thế kỷ XX) còn được gọi là

- A. cách mạng chất xám.
- B. cách mạng kĩ thuật số.
- C. cách mạng kĩ thuật.
- D. cách mạng khoa học.

Câu 15: Từ thế kỉ VII đến cuối thế kỉ XV, văn minh Đông Nam Á bước vào thời kì

- A. hình thành.
- B. khủng hoảng.
- C. phát triển rực rỡ.
- D. suy thoái.

Câu 16: Tư tưởng chính trong tín ngưỡng bản địa của Đông Nam Á không bao gồm

- A. tín ngưỡng sùng bái tự nhiên.
- B. tín ngưỡng phồn thực.
- C. tín ngưỡng thờ cúng người đã mất.
- D. Phật giáo, Nho giáo

Câu 17: Từ thế kỉ XIII, tôn giáo nào sau đây bắt đầu được du nhập vào Đông Nam Á?

- A. Hồi giáo.
- B. Phật giáo.
- C. Hin-đu giáo.
- D. Đạo giáo.

Câu 18: Trước khi sáng tạo ra chữ viết riêng, một số cư dân Đông Nam Á đã sử dụng chữ viết nào sau đây?

- A. Chữ Hán Trung Quốc.
- B. Chữ Chăm cổ.
- C. Chữ Khơ-me cổ.
- D. Chữ Nôm.

Câu 19: Nhận định nào sau đây phản ánh đúng về sự phát triển của các tôn giáo ở Đông Nam Á?

- A. Cùng tồn tại và phát triển hòa hợp.
- B. Cùng tồn tại nhưng không hòa hợp.

C. Phát triển độc lập, luôn luôn có xung đột. D. Không thể cùng tồn tại, phát triển lâu dài.

Câu 20: Tác phẩm văn học viết nào sau đây của Việt Nam thời phong kiến còn được lưu giữ đến ngày nay?

- A. Ra-ma-kiên. B. Đẻ đất, đẻ nước.
C. Ra-ma-ya-na. D. Truyện Kiều.

Câu 21: Ngày nay ở Đông Nam Á, quốc gia nào sau đây được xem là quốc gia Hồi giáo lớn nhất?

- A. Ma-lai-xi-a. B. In-đô-nê-xi-a. C. Phi-lip-pin. D. Mi-an-ma.

Câu 22: Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn được gọi là văn minh

- A. Sông Hồng. B. Phù Nam. C. Sa Huỳnh. D. Trống đồng.

Câu 23: Địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân Việt cổ thuộc khu vực nào trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay?

- A. Khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ. B. Khu vực Trung bộ ngày nay.
C. Khu vực Nam bộ ngày nay. D. Cư trú rải rác trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Câu 24: Hoạt động kinh tế chính của cư dân Chăm-pa là

- A. phát triển thương nghiệp. B. nông nghiệp lúa nước.
C. săn bắn, hái lượm. D. trồng trọt, chăn nuôi.

Câu 25: Địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân Phù Nam thuộc khu vực nào trên đất nước Việt Nam ngày nay?

- A. Bắc bộ và Bắc Trung bộ. B. Khu vực Nam bộ.
C. Đồng bằng Sông Hồng. D. Trung bộ và Nam bộ.

Câu 26: Nội dung nào sau đây thể hiện đúng đặc điểm của nền văn minh Chămpa?

- A. Chỉ tiếp thu những thành tựu của nền văn minh Ấn Độ.
B. Có sự giao thoa giữa văn minh Trung Hoa và Ấn Độ.
C. Kết hợp giữa văn hóa bản địa với văn hóa Ấn Độ.
D. Kết hợp giữa văn hóa Đại Việt với văn hóa Phù Nam.

Câu 27: Nhận xét nào sau đây thể hiện đúng đặc điểm của bộ máy nhà nước Văn Lang-Âu Lạc?

- A. Xây dựng bộ máy quân chủ chuyên chế đạt trình độ cao.
B. Bộ máy nhà nước đảm bảo thực hiện quyền dân chủ.
C. Bộ máy nhà nước sơ khai chưa thể hiện chủ quyền.
D. Tổ chức đơn giản, sơ khai nhưng thể hiện được chủ quyền.

Câu 28. Văn minh Phù Nam có cội nguồn từ nền văn hóa nào sau đây?

- A. Văn hóa Hòa Bình. B. Văn hóa Bàu Tró.
C. Văn hóa Óc Eo. D. Văn hóa Bắc Sơn.

Câu 29: Bộ máy nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền của Đại Việt được hoàn chỉnh dưới triều đại nào sau đây?

- A. Thời Lý. B. Thời Trần. C. Thời Lê sơ. D. Thời Hồ.

Câu 30: “Tam giáo đồng nguyên” là sự hòa hợp của của các tôn giáo nào sau đây?

- A. Phật giáo - Đạo giáo - Nho giáo. B. Phật giáo - Nho giáo - Thiên Chúa giáo.
C. Phật giáo - Đạo giáo - Tín ngưỡng dân gian. D. Nho giáo - Phật giáo - Ấn Độ giáo.

Câu 31: Hai loại hình văn học chính của Đại Việt dưới các triều đại phong kiến là

- A. văn học nhà nước và văn học dân gian. B. văn học viết và văn học truyền miệng.
C. văn học nhà nước và văn học tự do. D. văn học dân gian và văn học viết

Câu 32. Quốc triều hình luật là bộ luật được ban hành dưới triều đại nào?

- A. Lý. B. Trần. C. Lê sơ. D. Nguyễn.

Câu 33. Nền giáo dục, khoa cử của Đại Việt bắt đầu được triển khai từ triều đại nào?

- A. Nhà Lý. B. Nhà Trần. C. Nhà Lê sơ. D. Nhà Nguyễn.

Câu 34: Nhận xét nào sau đây là đúng khi nói về đặc điểm của nền văn minh Đại Việt?

- A. Văn minh Đại Việt phát triển đa dạng, phong phú, mang đậm tính dân tộc.
B. Văn minh Đại Việt phát triển đa dạng, lâu đời và có tính dân chủ.
C. Là sự kết hợp hoàn toàn giữa văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ.
D. Thiết chế chính trị của các triều đại phong kiến đều mang tính dân chủ.

Câu 35: Một trong những cơ sở hình thành văn minh Đại Việt là

- A. quá trình áp đặt về kinh tế lên các quốc gia láng giềng.
B. quá trình xâm lược và bành trướng lãnh thổ ra bên ngoài.
C. sự tiếp thu hoàn toàn những thành tựu văn minh Hy Lạp cổ đại.
D. sự kế thừa những thành tựu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc.

II. CÂU HỎI TNKQ ĐÚNG-SAI

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Sự săn sóc duy nhất của giai cấp tư sản đối với công nhân là pháp luật. Chúng dùng để đối phó khi công nhân bức chúng quá, cũng như đối với động vật không lí tính, chúng chỉ có một công cụ giáo dục đối với công nhân, tức là cái roi, tức là sức mạnh thô bạo. Không thể thuyết phục mà chỉ khiến họ sợ hãi. Vì vậy, không lấy gì làm lạ là những người công nhân bị đối xử như súc vật, nếu không thực sự trở thành súc vật thì chỉ có thể giữ được ý thức là tình cảm của con người nhờ cái lòng căm thù sôi sục và nổi phẫn khích không gì tắt được đối với giai cấp tư sản cầm quyền”

(Ph. Ăng-ghe-n, Tình cảnh giai cấp công nhân Anh, NXB Sử học, Hà Nội, 1962, tr.20)

- a) “Tình cảnh giai cấp công nhân Anh” của Ăng-ghe-n là một tác phẩm văn học nghệ thuật tiêu biểu cuối thế kỉ XXI.
b) Giai cấp tư sản và công nhân là hai giai cấp được hình thành từ các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại.
c) Trong xã hội tư bản, giai cấp công nhân bị tư sản áp bức bóc lột nặng nề thông qua pháp luật hà khắc và sức mạnh thô bạo.
d) Mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân và tư sản ngày càng sâu sắc là một trong những tiền đề dẫn đến các cuộc cách mạng tư sản.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Liên quan tới cách mạng công nghiệp 4.0, rất nhiều người đã đưa ra những “dự đoán tương lai” phong phú. Phổ biến nhất là dự đoán cho rằng lao động hiện tại sẽ bị AI, Robot và IoT thay thế. Một trong những dự đoán thuộc kiểu này cho rằng đến năm 2035, 34% lao động tại Anh, 42% lao động tại Mỹ, 49% lao động tại Nhật Bản sẽ bị AI và Robot thay thế”.

(Manabu Sato, (Nguyễn Quốc Vương dịch), Cách mạng công nghiệp 4.0 và tương lai giáo dục, NXB Dân trí, Hà Nội, 2023, tr.12)

- a) Đoạn tư liệu đưa ra những dự đoán về sự thay đổi của lực lượng lao động dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
b) Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư chỉ dẫn đến những hệ lụy tiêu cực cho lực lượng lao động trong tương lai.
c) Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư dẫn đến nguy cơ tình trạng thất nghiệp trên toàn cầu sẽ gia tăng.
d) AI, Robot chỉ có thể thay thế sức lao động của con người trong lĩnh vực sản xuất vật chất.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Qua các văn bia, người ta biết rằng chữ Phạn của Ấn Độ đã được du nhập vào Đông Nam Á từ rất sớm. Bia Võ Cạnh có niên đại thế kỉ III-IV là bia chữ Phạn cổ nhất ở Đông Nam Á và cũng là bằng chứng đầu tiên về sự du nhập chữ Phạn vào Chămpa. Từ đó cho đến khi vương quốc Chămpa chấm dứt sự tồn tại của mình, chữ Phạn luôn luôn là chữ viết được dùng trong triều đình Chămpa. Song cũng như nhiều dân tộc khác ở Đông Nam Á, người Chăm đã sớm tiếp thu văn tự cổ Ấn Độ để sáng tạo ra chữ viết của chính mình”.

(Vũ Dương Ninh, Lịch sử văn minh thế giới, NXB Giáo dục, 2007, tr.172)

- a) Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về hệ thống các văn bia cổ của vương quốc Chămpa.
- b) Thông qua các văn bia cổ, ta thấy rằng, cư dân nhiều nước Đông Nam Á đã tiếp thu và sử dụng duy nhất chữ viết của Ấn Độ trong suốt thời kì tồn tại của vương quốc mình.
- c) Bia Võ Cạnh là một minh chứng cho thấy ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ đến văn minh Chămpa về mặt chữ viết.
- d) Vương quốc Chămpa là vương quốc duy nhất ở Đông Nam Á đã sáng tạo ra được chữ viết riêng của mình trên cơ sở chữ Phạn của Ấn Độ.

Câu 4. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Vương quốc cổ Chăm-pa nằm trên khu vực miền Trung và Nam Trung Bộ là vùng có nhiều sản vật, khí hậu thuận lợi cho cây cối và các loài động vật sinh sôi nảy nở. Người dân ở đây lấy sản xuất nông nghiệp làm nghề chủ yếu. Vương quốc Chăm-pa là vùng có nhiều lâm sản và khoáng sản nổi tiếng như gỗ trầm hương, vàng, bạc, đá quý... Sản xuất thủ công nghiệp khá phát triển, trong đó nổi bật nhất là các nghề dệt, nghề chế tạo đồ đựng, nghề làm đồ trang sức và vũ khí bằng kim loại, nghề đóng gạch và xây dựng”.

(Theo Trần Quốc Vương, Cơ sở văn hoá Việt Nam, NXB Giáo dục, H.,1998, tr.154-155).

- a) Văn minh Chăm-pa được hình thành trên vùng duyên hải và cao nguyên miền Trung Việt Nam ngày nay.
- b) Quần thể tháp Bánh Ít (Bình Định) là biểu hiện cho kĩ thuật làm gốm và nghề xây dựng đạt tới trình độ cao của cư dân Chăm-pa.
- c) Vương quốc Chăm-pa là nơi tiếp nhận nhiều luồng di cư, tiếp xúc và giao lưu văn hoá từ bên ngoài, đặc biệt là ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ và Nhật Bản.
- d) Văn minh Chăm-pa cùng với văn minh Phù Nam đặt nền tảng cho sự hình thành và phát triển rực rỡ của văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Triều Lê sơ thành lập, có thể được coi như một bước ngoặt lịch sử, trong những điều kiện thuận lợi cho những yếu tố phong kiến phát triển. Thiết chế - ý thức hệ phong kiến mà nhà Minh áp đặt trong hai thập kỉ thuộc Minh đã để lại những hệ quả sâu sắc... Ở đây, một nhà nước chuyên chế toàn năng, can thiệp vào mọi mặt đời sống xã hội, đã được xác lập. Đẳng cấp quan liêu được tuyển lựa qua khoa cử, đã trở thành lực lượng thống trị, ngày càng xa cách khỏi quần chúng bình dân làng xã. Trên danh nghĩa, Nho giáo được coi như một hệ tư tưởng phong kiến chính thống độc tôn. Thiết chế - hệ tư tưởng phong kiến đến giai đoạn này, đã được hoàn chỉnh”.

(Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2007, tr.129)

- a) Đoạn tư liệu phản ánh thành tựu của văn minh Đại Việt dưới thời kì Lê sơ trên một số lĩnh vực văn hóa.
- b) Thiết chế chính trị của vương triều Lê sơ chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nhà Minh (Trung Quốc).
- c) Dưới thời kì Lê sơ, Phật giáo đã chính thức được nâng lên địa vị độc tôn.
- d) Dưới thời Lê bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế đạt mức độ cao, hoàn chỉnh.

PHẦN II. TỰ LUẬN

Câu 1. Hãy làm sáng tỏ nhận định của Cờ-lau Xva-bơ: “Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất sử dụng năng lượng nước và hơi nước để cơ giới hóa sản xuất. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai diễn ra nhờ ứng dụng điện năng để sản xuất hàng loạt.”

Câu 2: Tại sao nói Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và thứ tư có ảnh hưởng lớn đối với xã hội, văn hoá?

Câu 3. Nêu các thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á. Những thành tựu nào của văn minh Đông Nam Á còn có giá trị thực tiễn đến ngày nay? Cho một vài ví dụ cụ thể.

Câu 4: Hoàn thành bảng so sánh giữa văn minh Văn Lang – Âu Lạc với văn minh Phù Nam theo các tiêu chí sau:

Nội dung	Văn minh Văn Lang – Âu Lạc	Văn minh Chăm- Pa
Giống nhau		
Khác nhau	Văn minh Văn Lang – Âu Lạc	Văn minh Phù Nam
Cơ sở hình thành		
Kinh tế		
Tín ngưỡng tôn giáo		

Câu 5: Nêu những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt theo theo các bảng sau:

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu	Ý nghĩa/ giá trị
Chính trị		
Kinh tế		
Tín ngưỡng		
Tư tưởng, tôn giáo		
Giáo dục, Khoa cử		
Chữ viết		
Khoa học, Kỹ thuật		
Nghệ thuật		